

MỤC LỤC

Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1. Khái quát chung về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng.....	1
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.....	2
Chương 1	3
CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	3
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC	3
1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương	3
2. Văn bản của địa phương	4
II. CAM KẾT QUỐC TẾ.....	5
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	5
1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng.....	5
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng	6
3. Bản đồ.....	6
4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	6
5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	6
Chương 2	8
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ.....	8
I. THÔNG TIN CHUNG.....	8
1. Tên đơn vị.....	8
2. Địa chỉ văn phòng làm việc	8
3. Địa chỉ liên hệ.....	8
4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị	8
5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị	10
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG ..	10
1. Vị trí địa lý.....	10
2. Địa hình, địa thế.....	11
3. Khí hậu	11
4. Thủy văn	11
5. Địa chất, thổ nhưỡng	12
5.1. Địa chất.....	12
5.2. Thổ nhưỡng	12

III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	13
1. Dân số, dân tộc, lao động	13
2. Kinh tế	13
3. Xã hội	15
IV. GIAO THÔNG	16
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực.....	16
2. Hệ thống giao thông đường thủy	16
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.....	16
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện ..	16
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường	17
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	17
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng	17
Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất Khu bảo tồn thiên nhiên Mùong Nhé.....	18
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất.....	18
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	19
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng	19
Bảng 02: Hiện trạng rừng của Khu bảo tồn thiên nhiên Mùong Nhé	20
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng.....	21
Bảng 03: Trữ lượng các loại rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Mùong Nhé	21
3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ	23
Bảng 04: Số lượng loài lâm sản ngoài gỗ theo nhóm giá trị	23
Bảng 05: Trữ lượng và khu vực phân bố một số loài lâm sản ngoài gỗ.....	24
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN	25
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm,... hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư.....	25
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị	26
Bảng 06: Hiện trạng trang thiết bị của Ban quản lý Khu bảo tồn	26
3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện	27
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	28
1. Quản lý rừng tự nhiên.....	28
2. Quản lý rừng trồng	29
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng	29
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	30

5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	31
Bảng 07: Phân loại thảm thực vật trong khu bảo tồn	32
Bảng 08: Số họ, chi, loài của hệ thực vật rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé .	34
Bảng 09: Các họ đa dạng nhất trong hệ thực vật tại khu rừng của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	35
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	37
Bảng 10: Thống kê kết quả xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2018 - 2020	38
X. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG	39
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	39
Bảng 11: Diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	39
2. Phân khu phục hồi sinh thái.....	40
Bảng 12: Diện tích phân khu phục hồi sinh thái Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	40
3. Phân khu dịch vụ, hành chính.....	41
Bảng 13: Diện tích phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé	41
4. Vùng đệm	42
Bảng 14: Hiện trạng sử dụng đất vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	42
XI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KẾ.....	43
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công	43
2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng	43
Bảng 15: Các nguồn thu của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé trong 03 năm liên tiếp	44
3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng	44
Bảng 16: Các nguồn chi của Ban quản lý trong 03 năm liên tiếp	44
Chương 3	45
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN.....	45
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	45
1. Mục tiêu chung	45
2. Mục tiêu cụ thể	46
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	47
III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ	48

1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng	48
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý	48
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	49
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	49
Bảng 17: Kế hoạch bảo vệ rừng Khu bảo tồn giai đoạn 2021 - 2030	49
Bảng 18: Dự toán kinh phí tập huấn PCCCR giai đoạn 2021 - 2030.....	50
2. Kế hoạch phát triển rừng	52
Bảng 19: Kế hoạch khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.....	53
Bảng 20: Kế hoạch thực hiện trồng, chăm sóc rừng đặc dụng.....	53
Bảng 21: Kế hoạch thực hiện làm giàu rừng đặc dụng	55
3. Khai thác lâm sản	55
4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.....	55
Bảng 22: Các Đề tài, Dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021 - 2030	55
5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	56
6. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	57
7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng	58
8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng	59
9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.....	59
10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	60
V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....	60
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững	60
Bảng 23: Nhu cầu vốn thực hiện hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng	60
Bảng 24: Nhu cầu vốn thực hiện hoạt động làm giàu rừng.....	61
Bảng 25: Nhu cầu vốn thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc rừng	61
2. Nguồn vốn đầu tư	64
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	64
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực	64
2. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.....	64
3. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan	64
4. Giải pháp về khoa học, công nghệ.....	65
5. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	66
6. Giải pháp khác	66
VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	67
1. Hiệu quả về kinh tế.....	67

2. Hiệu quả về xã hội	67
3. Hiệu quả về môi trường	67
Chương 4	69
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	69
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	69
1. Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	69
2. Phó Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.....	69
3. Phòng Hành chính - Tổng hợp	69
4. Phòng Kế hoạch - Khoa học - Kỹ thuật.....	69
5. Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé	69
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	69
1. Mục đích của việc kiểm tra, giám sát	69
2. Các hình thức giám sát	70
3. Các nội dung, hoạt động cần giám sát.....	70
4. Trình tự thực hiện giám sát, đánh giá.....	70
III. KẾT LUẬN.....	71

Phần 1: MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé được thành lập theo Quyết định số 1019/QĐ/UBND ngày 03/10/2005 của UBND tỉnh Điện Biên và được kiện toàn lại tại Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND tỉnh Điện Biên; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Mường Nhé và pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao.

Theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé có tổng diện tích được quy hoạch là 47.228 ha. Hiện nay, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé được giao quản lý là 46.730,51 ha (trong đó: diện tích đất có rừng là 36.075,77 ha; diện tích đất chưa có rừng là 10.654,74 ha) nằm trên địa bàn 05 xã (Sín Thầu, Leng Su Sìn, Chung Chải, Mường Nhé và Nậm Kè) thuộc huyện Mường Nhé.

Để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích được giao, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé đã tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao và thực hiện khoán trên 85% diện tích rừng cho các cộng đồng dân cư, các đơn vị vũ trang quản lý, bảo vệ. Trong những năm qua, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé đã chủ động, tích cực phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, Công an huyện, các đồn biên phòng dọc tuyến biên giới, chính quyền các địa phương và các đơn vị có liên quan để tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, tổ chức tuần tra phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cộng đồng vùng đệm để góp phần nâng cao đời sống cho người dân. Với sự tích cực, chủ động của đơn vị sự phối kết hợp của chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm, các lực lượng vũ trang, các đơn vị có liên quan và sự ủng hộ của người dân các diện tích rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé cơ bản được bảo vệ tốt, diện tích rừng tăng lên (từ 31.211,1 ha năm 2012 lên 36.075,77 ha năm 2021), chất lượng rừng được cải thiện, các hệ sinh thái rừng được phục hồi, bảo tồn được tính đa dạng của hệ động, thực vật rừng,...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: chất lượng rừng chưa cao, tại một số khu vực vẫn còn tình trạng lấn chiếm đất rừng đặc dụng, khai thác, săn bắn trái phép, chưa khai thác, phát huy hết các giá trị khác của rừng để cải thiện và gia tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho các cộng đồng dân cư,... Nguyên nhân chủ yếu do diện tích

Khu bảo tồn rộng, trải dài trên địa bàn 05 xã, địa hình phức tạp, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn (đặc biệt là mùa mưa), biên chế công chức, viên chức của đơn vị còn thiếu, quá mỏng, các công trình phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học chưa được đầu tư, các hoạt động đời sống kinh tế của người dân vẫn chủ yếu dựa vào rừng và ảnh hưởng đến rừng (canh tác nương rẫy, chăn thả gia súc tự do, xây dựng nhà ở, thu hái lâm sản phục vụ đời sống hàng ngày,...).

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

Quản lý rừng bền vững đã trở thành xu hướng chung của thế giới và là một trong những mục tiêu chiến lược, lâu dài của Việt Nam; vì vậy, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Thông tư số 28/2018/TT-BNN ngày 16/11/2018 đã quy định “*Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững*”.

Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng Nhé nằm trong khu vực đầu nguồn sông Đà, một trong 3 hệ thống sông chính (sông Đà, sông Mã, sông Mê Kông) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Bắc và cả nước; giúp bảo vệ, điều tiết, cung cấp nguồn nước cho các công trình thủy điện, các công trình thủy lợi phục vụ nước sinh hoạt, nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. Nơi đây được đánh giá là có hệ động, thực vật rừng đa dạng, phong phú với nhiều loài động, thực vật, côn trùng quý, hiếm, có giá trị bảo tồn, giá trị kinh tế cao. Trong những năm qua Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng Nhé đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Tuy nhiên, các hoạt động của đơn vị vẫn tập trung chủ yếu là quản lý, bảo vệ rừng, chưa khai thác phát huy đầy đủ các chức năng sinh thái, kinh tế và xã hội của rừng để tạo nguồn thu ổn định (tiến tới tự chủ hoàn toàn về tài chính) và góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống người dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Vì vậy, để quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng, đất rừng được giao việc xây dựng và thực hiện “***Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng Nhé giai đoạn 2021 - 2030***” là hết sức cần thiết; việc xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững giúp chủ rừng sử dụng rừng và đất rừng theo cách, theo tỷ lệ sao cho vừa duy trì được tính đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh, trường tồn và tiềm năng của rừng từ đó phát huy tốt nhất các chức năng sinh thái, kinh tế và xã hội của rừng.

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;
- Luật Phòng cháy chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2014;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNN ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phân định ranh giới rừng;
- Thông tư số 33/2018/TT-BNN ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng;
- Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;
- Quyết định số 38/2005/QĐ/BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;
- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 3938/QĐ-BNN-TCLN ngày 09/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố diện tích rừng thuộc các lưu vực làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;
- Chỉ thị số 1788/CT-BNN-TCLN ngày 10/03/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về nhiệm vụ, giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và cho thuê môi trường rừng đặc dụng, phòng hộ.

2. Văn bản của địa phương

- Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 23/05/2008 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2020;
- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND tỉnh Điện Biên về việc kiện toàn Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thiên

nhiên Mùòng Nhé, huyện Mùòng Nhé đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thu hồi và giao đất, giao rừng tại địa bàn các xã: Chung Chải và Leng Su Sìn, huyện Mùòng Nhé, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 08/04/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Điện Biên năm 2020;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng các Khu bảo tồn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ: Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng Nhé giai đoạn 2021-2030.

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

- Công ước CITES (*Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora* - Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp).

- Công ước về đa dạng sinh học (*Convention on Biological Diversity*; CBD), 1992.

- Hiệp định Đối tác Tự nguyện về Thực thi Luật lâm nghiệp, quản trị Rừng và thương mại Lâm sản (viết tắt là VPA/FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu có hiệu lực vào ngày 01/6/2019.

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng

- Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/10/2005 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng Nhé, trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên.